

1. Ung thư nào sau đây có thể phòng ngừa nguyên nhân, NGOẠI TRỪ :

A. Ung thư phổi

B. Ung thư vú ?

C. Ung thư gan

D. Ung thư cổ tử cung

E. Tất cả đều đúng

2. Dấu hiệu nào sau đây cho thấy loại ung thư có thể tầm soát tốt

a. Có nguyên nhân được xác định rõ

b. Có giai đoạn tiền ung thư kéo dài

c. Có thể điều trị hiệu quả các tổn thương tiền ung thư

d. B,C đúng

e. Tất cả đều đúng

3. Loại ung thư thường gặp nhất ở nam giới Việt Nam hiện nay :

a. Gan, phổi

b. Đại tràng, phổi

c. Gan, dạ dày

d. Dạ dày, phổi

e. Dạ dày, gan

4. Loại ung thư nào sau đây có thể phòng ngừa hiệu quả, tầm soát và phát hiện sớm hiệu quả

a. Tuyến giáp

b. Đại tràng

c. Phổi

d. Gan

e. Cổ tử cung

5. Xét nghiệm nào sau đây không dùng trong tầm soát ung thư cổ tử cung ?

a. Pap

b. Nhìn trực tiếp cổ tử cung với acid axetic

c. Xn DNA-HPV

d. Soi CTC

e. C,D đúng

6. Những phụ nữ nào sau đây KHÔNG là đối tượng thuộc khuyến cáo tầm soát ung thư CTC

a. Phụ nữ chưa qhđ

b. Phụ nữ chưa có gia đình

c. Phụ nữ 20 tuổi đã bắt đầu qhđ từ 16 tuổi đến 20 tuổi

a. Phụ nữ đã cắt tử cung vì CIN3

d. Tất cả đều đúng

7. Theo khuyến cáo tầm soát ung thư cổ tử cung hiện nay, tuổi bắt đầu tầm soát ung thư cổ tử cung là

a. 21 tuổi, bất kể tình trạng qhđ

b. 21 tuổi, ở người đã có qhđ

c. 3 năm sau lần qhđ đầu tiên, không trễ hơn 21 tuổi

d. 26 tuổi, bất kể tình trạng qhđ

e. 26 tuổi, ở người đã có qhđ

8. Cho biết độ nhạy của Pap truyền thống trong phát hiện bất thường tế bào cổ tử cung là 60%, xác suất có ít nhất 1 lần xn Pap bất thường qua 3 lần liên tiếp làm xn Pap ở 1 người có tế bào bất thường ở cổ tử cung là :

a. 100%

b. 96%

c. 93.6% (Tính xác suất cả 3 lần xn đều (-) là $0.4 \times 0.4 \times 0.4 = 0.064 \Rightarrow (+)$ là 93.6%)

d. 90%

e. 85%

9. Nguyên nhân ung thư CTC :

a. HSV

b. HPV

c. Sinh đẻ nhiều

d. Lập gia đình sớm

e. QHTD với nhiều người

10. Tồn thương tiền ung thư cổ tử cung :

a. Xuất độ cao nhất là 40-45 tuổi (tuổi dị sản là 32-35)

b. CIN 2 có nghĩa là các tế bào dị dạng chiếm 2/3 trên bề dày của lớp biểu mô nhưng chưa xâm lấn màng đáy

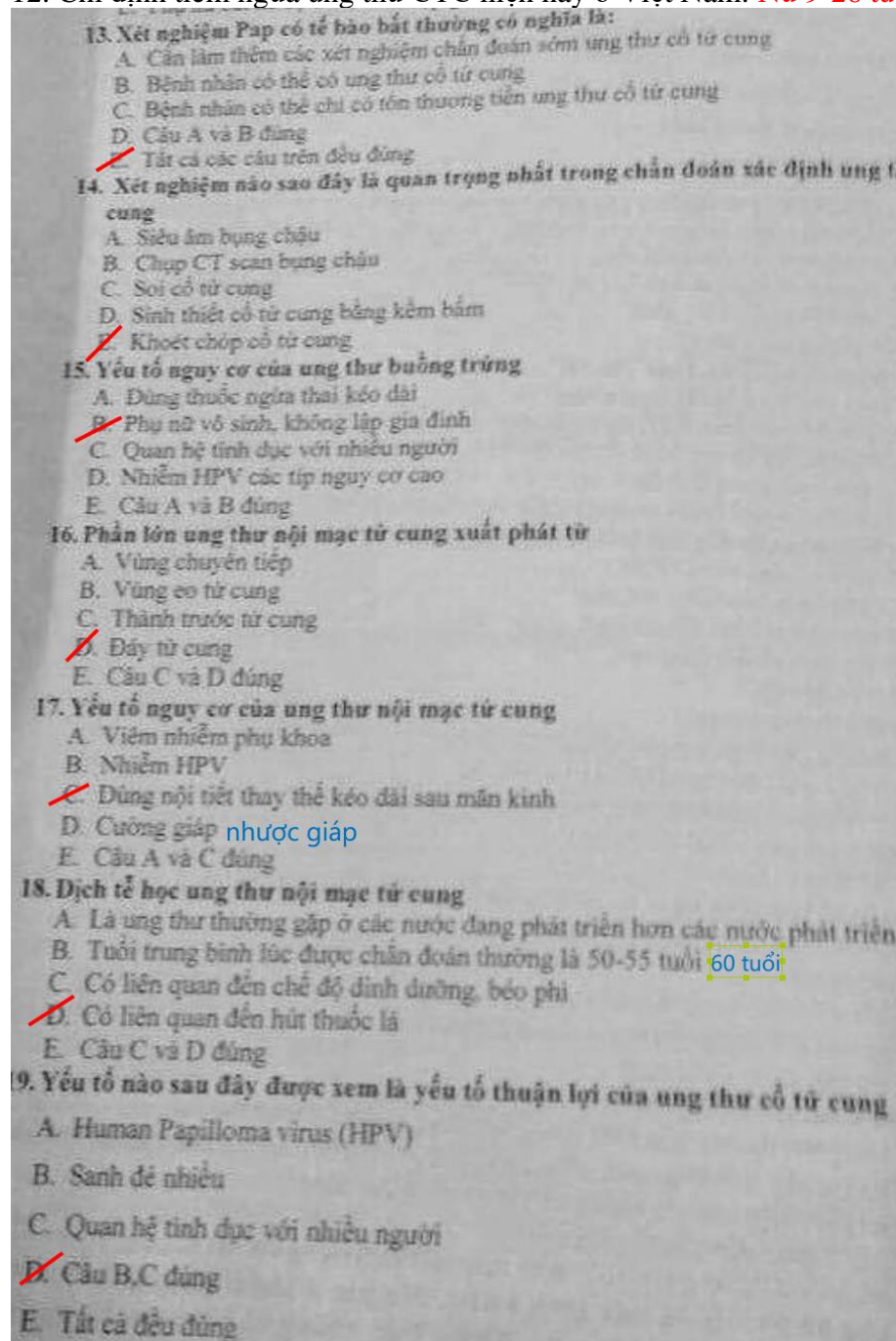
c. CIN 3 có nghĩa là tế bào dị dạng chiếm toàn bộ bề dày biểu mô nhưng chưa xâm lấn màng đáy

d. Khả năng diễn tiến thành ung thư xâm lấn với CIN 3 là 80% sau 10 năm (30% thôi)

e. C,D đúng

11. Tình huống thường gặp nhất của ung thư CTC xâm lấn trên lâm sàng: **XH âm đạo bất thường**

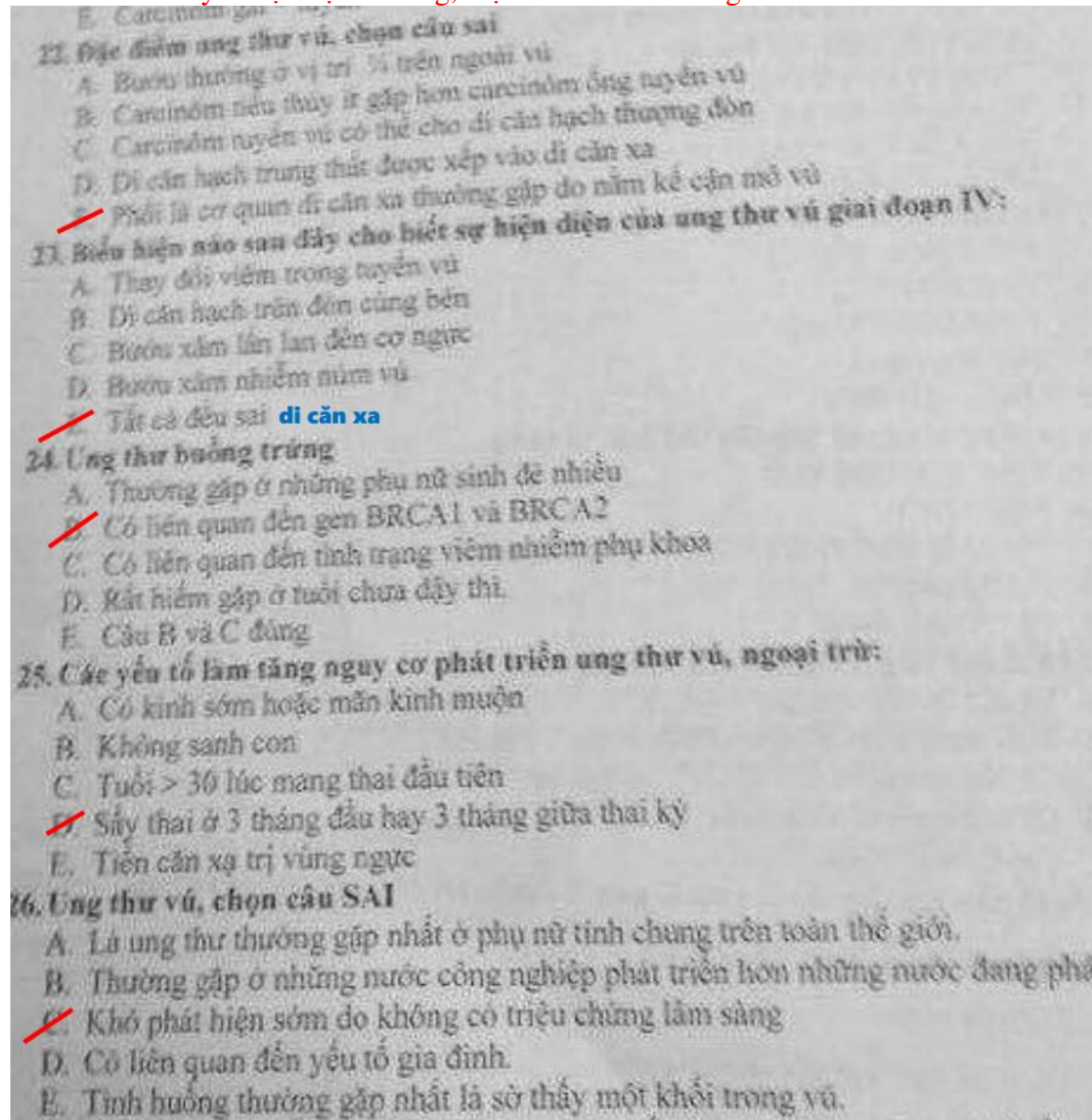
12. Chỉ định tiêm ngừa ung thư CTC hiện nay ở Việt Nam: **Nữ 9-26 tuổi, chưa qhtd**



20. Loại giải phẫu bệnh thường gặp nhất trong ung thư biểu mô cổ tử cung: **Carcinom TB gai**

21. Loại giải phẫu bệnh thường gặp nhất trong ung thư nội mạc tử cung:

A. Carcinom tuyến nội mạc tử cung, biệt hóa cao đến trung bình



27. Một phụ nữ 59 tuổi đã mãn kinh 4 năm, đến bsi khám vì tự sờ thấy 1 mảng trong vú trái khoảng 1 tháng nay, không triệu chứng khó chịu gì, không tiền căn bệnh nội khoa. Khám sờ thấy 1 khối 2cm sượng, giới hạn ko rõ, ở bên trong vú trái, ít di động trong mô vú và di động tốt với thành ngực, không dính da. Hạch nách và trên đòn ko sờ thấy, **nhũ ảnh ko phát hiện bất thường**, bước xử trí tiếp theo thích hợp cho bn này :

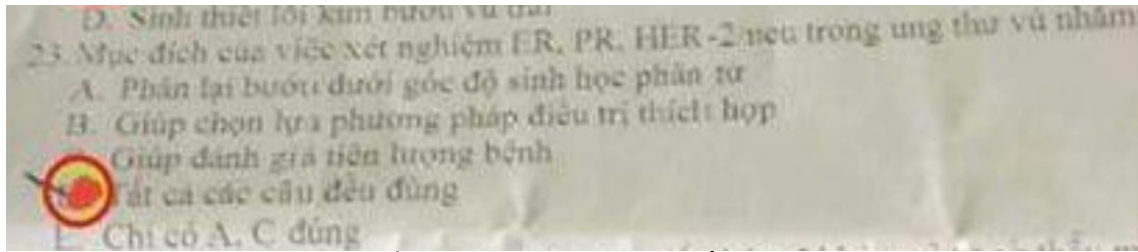
a. Chụp MRI vú 2 bên

b. Siêu âm tuyến vú

c. FNA bướu vú trái (nó chọn câu này)

d. Sinh thiết lõi kim bướu vú trái

e. Tất cả đều sai



30. ung thư ở trẻ em có đặc điểm sau đây, NGOẠI TRỪ :

- a. bướu phát triển nhanh
- b. thời gian ủ bệnh ngắn
- c. liên quan đến sự phơi nhiễm các tác nhân sinh ung
- d. có yếu tố gia đình trong 10-15% trường hợp
- e. thường gặp nhất là ung thư máu

31. khi không thể chẩn đoán giải phẫu bệnh trên bệnh nhân nghi ngờ ung thư gan, việc chẩn đoán ung thư gan có thể dựa trên :

- a. hình ảnh bướu gan trên siêu âm, CT bụng + khối u dưới sườn phải sờ được trên lسان
- b. hình ảnh bướu gan trên siêu âm, CT bụng + xn HbsAg hoặc antiHCV dương tính mạnh
- c. hình ảnh bướu gan trên siêu âm, CT bụng + AFP huyết thanh > 400ng/ml
- d. xn HbsAg hoặc antiHCV dương tính mạnh + AFP huyết thanh dương tính
- e. tất cả đều sai

32. Tình huống lâm sàng sau đây chứng tỏ bệnh ở giai đoạn sớm

- a. Khàn tiếng: bướu lớn chèn ép dây X
- b. HC tĩnh mạch chủ trên: xâm lấn TM, thường có phù áo khoác
- c. HC Horner: chèn ép hạch giao cảm
- d. HC Pancoast: chèn ép đám rối cánh tay, hủy xương sườn
- e. Tất cả đều sai

33. chọn câu đúng về GPB của ung thư phổi :

- A. Carcinom tuyến thường xuất hiện trung tâm phổi
- B. Carcinom tế bào gai là GPB thường gặp nhất
- C. Carcinom tế bào lớn có nguồn gốc từ TB TK-nội tiết
- D. Carcinom phổi xuất phát từ biểu mô phế nang (pheá quàn môi nuôi nưòng
- E. carcinom tế bào nhỏ có tính xâm lấn mạnh, diễn tiến nhanh

K phổi có 2 loại: tế bào nhỏ và không tế bào nhỏ. Ung thư tế bào nhỏ chiếm 20% số trường hợp, tế bào có nguồn gốc từ hệ thần kinh-nội tiết, lâm sàng và đáp ứng điều trị khác với ung thư không phải tế bào nhỏ. Ung thư không tế bào nhỏ chiếm 80% các trường hợp, gồm các loại thường gặp sau đây: carcinom tuyến (khoảng 40%), carcinom tế bào gai (20%), và carcinom tế bào lớn (hoặc carcinom không biệt hóa).

Tổn thương ung thư phổi thường xuất phát từ biểu mô phủ hoặc biểu mô tuyến của phế quản.

Một ít trường hợp xuất phát từ phế nang

Đối với ung thư phổi tế bào nhỏ: Đây là loại bướu có diễn tiến di căn xa rất nhanh, nhưng thường nhạy với hóa trị

34. phương pháp chủ yếu trong điều trị ung thư phổi tế bào nhỏ :

- A. Hóa trị
- B. Xạ trị
- C. Liệu pháp nhắm trúng đích
- D. Phẫu thuật
- E. All pp trên

Nếu bệnh ở giai đoạn còn khu trú trong lồng ngực, kích thước bướu nhỏ, nên hóa-xạ trị đồng thời.

Nếu kích thước bướu lớn thì sau hóa trị có thể xạ trị khu trú vào vùng bướu chưa tan hết.

Đối với những trường hợp giai đoạn lan tràn, sau khi điều trị nếu bệnh đáp ứng hoàn toàn, nên cân nhắc xạ trị phòng ngừa vào toàn bộ não do bệnh có tỷ lệ di căn não khá cao.

35. bn nam 53 tuổi đến khám vì sụt cân 3kg/2 tháng. Tiền căn htl 20 g.nam. ko bệnh lí nội ngoại khoa. CT scan ngực có sang thương như hình bên. Phương tiện nào ưu tiên sử dụng để xác định bản chất sang thương phổi ?



Xét nghiệm đàm tìm tế bào lạ

Nội soi phế quản

FNA xuyên thành ngực

Nội soi màng phổi

Nội soi trung thất

36. Loại K thường gặp nhất trẻ em: K máu

37. Triệu chứng thường gặp nhất K thực quản: nuốt khó, nuốt nghẹn

38. Hội chứng nào ko phải HC cận ung trong K phổi

Cushing

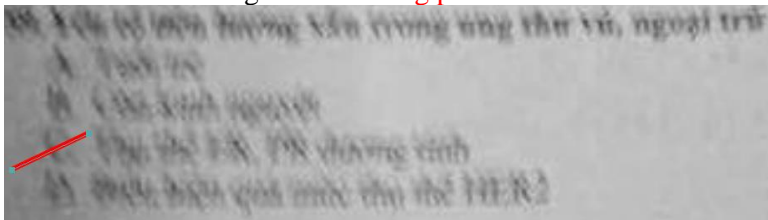
Ngón tay dùi trống

Horner: chèn ép hạch giao cảm

SIADH

Bệnh TK ngoại vi: Eaton-Lambert áh

39. Phương tiện tầm soát K đại trực tràng đã đc chứng minh hiệu quả trong thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có nhóm chứng: **máu ẩn trong phân**



Tiền lượng xấu:

☐ Bệnh nhân trẻ, còn kinh

☐ Có hạch di căn: ≥ 4 hạch

☐ Bướu to, Grad mô học: cao

☐ Thụ thể ER,PR: âm tính

☐ Xâm lấn BH-MM

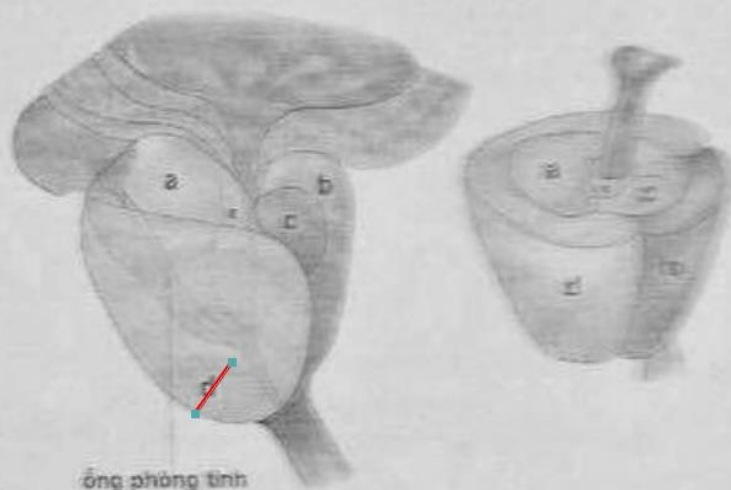
☐ Một số yếu tố sinh học: thụ thể YTTT (Her-2/neu), sự tăng trưởng tb,

41. Tại VN-MY, ung thư gan thường liên quan đến yếu tố:
- A. Viêm gan viêm gan B, C
 - B. TAN tố aflatoxin trong ngũ cốc bị nhiễm nấm mốc
 - C. Xơ gan do rượu và các bệnh lý chuyển hóa
 - ☒ D. Cả 3 yếu tố trên đều đúng
 - E. Cả A và C đúng
42. Đặc điểm của ung thư dương vật
- A. Tình huống lâm sàng thường gặp nhất là tiểu lậu nhất loét hay sùi ở quy
 - B. Đại thể thường gặp nhất là sang thương dạng loét ở quí đầu
 - C. Giải phẫu bệnh thường gặp là carcinôm tuyến tiết nhầy tế bào gai
 - D. Bệnh thường diễn tiến tại chỗ tại vùng, ít di căn xa
 - ☒ E. Di căn hạch vùng: hạch bẹn, hạch chậu ngoài, chậu trong.
43. Bệnh nhân nam, 28 tuổi, đến khám vì sờ thấy bướu ở vùng bìu (P). Siêu khối echo kèm 3cm trong tinh hoàn (P) nghi bướu. Dấu hiệu sinh học nghiệm trong trường hợp này?
- A. AFP, CEA và LDH
 - ☒ B. AFP, β -HCG và LDH
 - C. β -HCG, PSA và CEA
 - D. LDH, β -HCG và CA 125
 - E. Tất cả đều sai
44. Sau khi có kết quả xét nghiệm, để xác định bản chất bướu trong tinh cần làm tiếp theo:
- A. FNA bướu tinh hoàn (P)
 - B. Cắt trọn tinh hoàn (P) qua ngã bìu
 - C. Sinh thiết một phần bướu tinh hoàn (P)
 - ☒ D. Cắt trọn tinh hoàn (P) qua ngã bẹn
 - E. Sinh thiết lõi kim bướu tinh hoàn (P)
45. Trường hợp trên sẽ được xếp vào loại bướu tế bào mầm tinh hoàn nếu bệnh là, ngoại trừ:
- ☒ A. Bướu tế bào Leydig
 - B. Sêminôm
 - C. Bướu túi noãn hoàng
 - D. Carcinôm phổi
 - E. Carcinôm đệm ruột
46. Các thuốc điều trị tại chỗ trên da có hiệu quả đối với sang thương loại
- A. Dày sừng da do ánh sáng
 - ☒ B. Carcinôm tế bào đáy của da
 - C. Carcinôm tế bào gai của da
 - D. Carcinôm tuyến bã của da

47. Tất cả đều đúng
49. Carcinôm tuyến giáp dạng nhú, chọn câu đúng!
- A. Khẩn trọng là tình huống lâm sàng thường gặp nhất
 - B. Là loại giải phẫu bệnh gặp hàng thứ 2 trong ung thư tuyến giáp
 - ☒ C. Rất nhiều trường hợp có tính di căn trên và dưới
 - D. Tiên lượng bệnh rất xấu khi đã di căn hạch vùng
 - E. Câu B và D đúng
50. Loại ung thư não sau đây thường cho di căn não?
- A. Ung thư gan và ung thư đại tràng
 - B. Ung thư đại tràng và ung thư tụy
 - C. Ung thư tụy và ung thư phổi
 - ☒ D. Ung thư phổi và ung thư vú
 - E. Ung thư vú và ung thư gan
51. Bệnh nhân nữ, 35 tuổi khám sức khỏe định kỳ phát hiện một nhân giáp thùy trái, không có tiền căn xạ trị và gia đình không ai bị ung thư giáp. Siêu âm cổ phát hiện nhân giáp thùy trái 2cm, echo kém, vi vôi hóa và hạch cổ nhóm III (T) 0.8 cm, echo kém, mất rốn hạch. Xét nghiệm máu TSH, FT3, FT4 bình thường. Xét nghiệm cần làm tiếp:
- A. CT-scan vùng cổ và cận quang
 - ☒ B. FNA nhân giáp và hạch cổ
 - C. Xạ hình tuyến giáp
 - D. Câu A và B đúng
 - E. Câu A,B,C đúng
52. Chẩn đoán lâm sàng: Carcinôm tuyến giáp dạng nhú di căn hạch cổ (T). Xếp giai đoạn bệnh trên bệnh nhân này?
- A. Giai đoạn I
 - B. Giai đoạn II
 - C. Giai đoạn III
 - ☒ D. Giai đoạn IV
 - E. Tất cả đều sai

- E. Tất cả đều sai
60. Đặc điểm nào sau đây không đúng khi nói về ung thư dạ dày?
- A. Bệnh thường gặp ở các nước Đông châu Á, Hàn Quốc, Nhật Bản
 - B. Bệnh gặp ở nam nhiều hơn nữ
 - C. Phần lớn bệnh nhân được phát hiện bệnh vào giai đoạn trễ
 - ☒ D. Liên quan rất chặt chẽ đến vi khuẩn *Helicobacter pylori*
 - E. Có mối liên quan giữa bệnh với môi trường và chế độ ăn uống
61. Đặc điểm của ung thư dạ dày không thuộc tâm vị:
- A. Thường gặp ở khu vực có tỉ lệ ung thư dạ dày cao
 - B. Có liên quan chặt chẽ đến vi khuẩn *Helicobacter pylori*
 - C. Liên quan sâu thẳm ung thư tâm vị
 - ☒ D. Câu a và b đúng
 - E. Câu a, b, c đúng
62. Triệu chứng nào sau đây gợi ý bướu dạ dày ở tâm vị?
- A. Đau thượng vị kéo dài
 - ☒ B. Huyếtoglobin tăng dần
 - C. Nôn ợ ra thức ăn cũ
 - D. Cảm giác nóng rát thượng vị
 - E. Sử dụng thuốc chống loét (P)
63. Nhận định nào không đúng về ung thư đại trực tràng?
- A. Được xếp vào 1 trong 10 loại ung thư thường gặp nhất ở Việt Nam
 - B. Tây Âu và Australia là khu vực "nguy cơ cao" của bệnh này
 - C. Liên quan đến lối sống và chế độ dinh dưỡng
 - ☒ D. Chưa có chương trình tầm soát hiệu quả
 - E. Tỉ lệ sống còn 5 năm ở giai đoạn sớm đạt 90%
64. Độ tuổi nguy cơ của ung thư đại trực tràng:
- ☒ A. Tuổi là yếu tố nguy cơ không thể tránh khỏi
 - B. 70 - 90 % trường hợp mắc bệnh ở độ tuổi > 75
 - C. Bệnh đang có xu hướng giảm dần ở lứa tuổi trẻ
 - D. Câu a và b đúng
 - E. Câu a, b, c đúng
65. Vai trò của nội soi đại trực tràng bằng ống soi mềm:
- A. Xác định và cầm sinh thiết khối bướu
 - B. Tìm các sang thương phối hợp
 - C. Cắt polyp như là một phương tiện điều trị
 - ☒ D. Câu A và B đúng
 - E. Câu A, B, C đúng
66. PSA là kháng nguyên đặc hiệu của tuyến tiền liệt, được dùng để:
- A. Tầm soát ung thư tuyến tiền liệt
 - B. Chẩn đoán ung thư tuyến tiền liệt
 - C. Theo dõi sau điều trị ung thư tuyến tiền liệt
 - ☒ D. Cả 3 câu trên đều đúng
 - E. Câu B và C đúng

67. Quan sát hình vẽ giải phẫu tuyến tiền liệt, hãy cho biết: carcinôm tuyến tiền liệt thường gặp nhất ở vị trí nào? Các lựa chọn a, b, c, d, e tương ứng với các phần trong hình vẽ.



68. Người ta không lựa chọn xạ trị là mô thức điều trị hỗ trợ cho bệnh ung thư nào?

- A. Carcinôm ống tuyến vú
- B. Carcinôm tế bào gai cổ tử cung
- ☒ C. Carcinôm tuyến đại tràng (P)
- D. Carcinôm tế bào gai dương vật
- E. Carcinôm tuyến trực tràng thấp

69. Tầm soát ung thư dạ dày đạt hiệu quả rất cao ở quốc gia nào?

- A. Hàn Quốc
- ☒ B. Nhật Bản
- C. Hoa Kỳ
- D. Ấn Độ
- E. Hà Lan

70. Điểm giống nhau giữa ung thư trực tràng thấp và ung thư ống hậu môn?

- ☒ A. Đi cầu ra máu là triệu chứng thường gặp nhất
- B. Giải phẫu bệnh thường gặp là carcinôm tuyến
- C. Xếp hạng yếu tố bướu (T) dựa vào độ xâm lấn thành ruột
- D. Phẫu thuật Miles là mô thức điều trị quan trọng nhất
- E. Tất cả đều đúng